Phụ lục II

PHÂN BỔ BỔ SUNG GẠO HỖ TRỢ HỌC SINH HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026 VÀ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 66/2025/NĐ-CP

(Kèm theo Quyết định số: 911/QĐ-UBND ngày 22 /5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Xã, phường, cơ sở giáo dục	Tổng số học sinh	Tổng số phân bổ bổ sung	Học kỳ II năm học 2025-2026					Bổ sung hỗ trợ gạo cho số học sinh tăng mới theo QĐ số 191/QĐ-UBND của UBND tỉnh			Bổ sung học kỳ I năm học 2025-2026	
				Nhu cầu hỗ trợ gạo học kỳ II năm học 2025-2026			Số đã cấp (Theo QĐ số 622/QĐ-UBND ngày 4/4/2026)	Bổ sung học kỳ II năm học 2025-2026	Số đối tượng (người)	Số tháng	Số lượng gạo (kg)	Số đối tượng (người)	Số lượng gạo (kg)
				Số đối tượng (người)	Số tháng	Số lượng gạo (kg)							
A	B	1	2=(7+10+12)	3	4	5	6	7=5-6-13	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG	**34.378**	**881.449**	**25.603**		**1.743.838**	**1.246.110**	**442.167**	**5.715**		**257.175**	**3.060**	**182.107**
I	**KHỐI THPT**	**7.142**	**93.050**	**5.116**		**362.085**	**351.820**	**300**	**1.911**		**85.995**	**115**	**6.755**
1	Trường THPT Hữu Lũng	404	2.085	358	5	21.225	21.090	-	45	3	2.025	1	60
2	Trường THPT Vân Nham	247	315	240	5	17.955	16.935	-	7	3	315		
3	Trường THPT Chi Lăng	540	6.930	386	5	28.410	28.275	-	154	3	6.930		
4	Trường THPT Hòa Bình	102	495	91	5	3.405	2.455	-	11	3	495		
5	Trường THPT Tràng Định	292	2.205	243	5	17.775	17.505	-	49	3	2.205		
6	Trường THPT Văn Lãng	285	5.850	155	5	10.950	10.935	-	130	3	5.850		
7	Trường THPT Hội Hoan	245	450	235	5	14.865	11.325	-	10	3	450		
8	Trường THPT Lộc Bình	708	7.340	545	5	38.760	38.460	-	162	3	7.290	1	50
9	Trường THPT Na Dương	352	135	349	5	22.440	22.125	-	3	3	135		

10	Trường THPT Tú Đoạn	62	225	57	5	4.185	4.065	-	5	3	225		
11	Trường THPT Văn Quan	444	4.410	346	5	24.825	23.850	-	98	3	4.410		
12	Trường THPT Bắc Sơn	708	17.910	310	5	22.890	22.455	-	398	3	17.910		
13	Trường THPT Vũ Lễ	309	3.195	238	5	17.850	17.850	-	71	3	3.195		
14	Trường THPT Bình Gia	536	3.285	463	5	34.725	34.470	-	73	3	3.285		
15	Trường THPT Lương Văn Tri	817	15.765	491	5	35.925	35.625	300	266	3	11.970	60	3.495
16	Trường THPT Cao Lộc	409	6.300	269	5	20.265	19.545	-	140	3	6.300		
17	Trường THPT Ba Sơn	306	9.405	97	5	7.275	7.215	-	209	3	9.405		
18	Trường THPT Việt Bắc	19	180	15	5	1.080	1.080	-	4	3	180		
19	Trường THPT Chu Văn An	37	900	17	5	1.455	735	-	20	3	900		
20	Trường THCS&THPT Bình Độ	320	5.670	211	5	15.825	15.825	-	56	3	2.520	53	3.150
II	**KHỐI GDNN-GDTX**	**1.785**	**35.070**	**1.088**	**40**	**78.165**	**75.540**	**-**	**431**	**24**	**19.395**	**266**	**15.675**
1	Trung tâm GDNN-GDTX Cao Lộc	271	4.080	184	5	13.800	11.800	-	75	3	3.375	12	705
2	Trung tâm GDNN-GDTX Lộc Bình	366	9.300	194	5	15.330	15.330	-	68	3	3.060	104	6.240
3	Trung tâm GDNN-GDTX Văn Quan	289	6.015	166	5	12.450	12.450	-	89	3	4.005	34	2.010
4	Trung tâm GDNN-GDTX Bình Gia	198	1.215	171	5	12.825	12.450	-	27	3	1.215		
5	Trung tâm GDNN-GDTX Chi Lăng	112	2.985	48	5	3.900	3.900	-	57	3	2.565	7	420
6	Trung tâm GDNN-GDTX Hữu Lũng	421	9.375	247	5	14.520	14.520	-	71	3	3.195	103	6.180
7	Trung tâm GDNN-GDTX Văn Lãng	98	1.965	51	5	4.035	4.035	-	41	3	1.845	6	120
8	Trung Tâm GDTX, Tin học và Ngoại ngữ	30	135	27	5	1.305	1.055	-	3	3	135		
III	**KHỐI XÃ, PHƯỜNG**	**25.451**	**753.329**	**19.399**	**-**	**1.303.588**	**818.750**	**441.867**	**3.373**	**102**	**151.785**	**2.679**	**159.677**
1	UBND phường Kỳ Lừa	550	16.410	263		11.070	8.070	3.000	251	3	11.295	36	2.115

2	UBND phường Đông Kinh	258	7.350	114		6.795	6.795	-	86	3	3.870	58	3.480
3	UBND xã Đồng Đăng	272	1.125	272		9.480	8.355	1.125					
4	UBND xã Cao Lộc	824	25.035	740		55.433	35.433	20.000				84	5.035
5	UBND xã Công Sơn	500	15.400	380		28.500	18.440	10.000	119	3	5.355	1	45
6	UBND xã Ba Sơn	1.024	37.420	348		21.645	12.914	7.000	676	3	30.420		
7	UBND xã Quốc Việt	367	10.555	288		21.390	14.390	7.000	79	3	3.555		
8	UBND xã Na Sầm	221	5.000	221		14.190	9.190	5.000					
9	UBND xã Hoàng Văn Thụ	269	7.355	150		10.575	8.575	2.000	119	3	5.355		
10	UBND xã Thụy Hùng	328	11.640	136		10.200	7.200	3.000	192	3	8.640		
11	UBND xã Văn Lãng	343	12.215	316		23.700	12.700	11.000	27	3	1.215		
12	UBND xã Hội Hoan	523	17.000	523		39.225	20.980	17.000					
13	UBND xã Thất Khê	124	1.575	89		6.585	6.585	-	35	3	1.575		
14	UBND xã Đoàn Kết	413	14.102	305		22.875	14.278	8.597	62	3	2.790	46	2.715
15	UBND xã Tân Tiến	464	14.060	463		34.725	20.665	14.000				1	60
16	UBND xã Tràng Định	401	11.185	242		18.150	14.150	4.000	155	3	6.975	4	210
17	UBND xã Quốc Khánh	72	1.890	30		1.215	1.215	-	42	3	1.890		
18	UBND xã Kháng Chiến	320	7.250	270		20.250	15.250	5.000	50	3	2.250		
19	UBND xã Văn Quan	450	12.480	314		23.265	15.015	6.000	109	3	4.905	27	1.575
20	UBND xã Điềm He	836	15.565	784		39.090	25.670	13.000	37	3	1.665	15	900
21	UBND xã Yên Phúc	703	20.305	474		35.550	19.355	10.000	229	3	10.305		
22	UBND xã Tri Lễ	848	25.650	766		57.360	35.625	21.510	52	3	2.340	30	1.800
23	UBND xã Tân Đoàn	414	16.335	27		2.025	2.865	(1.050)	386	3	17.370	1	15
24	UBND xã Khánh Khê	1.362	56.455	1.037		77.715	40.715	37.000				325	19.455
25	UBND xã Bình Gia	59	1.740	32		2.400		120				27	1.620

26	UBND xã Tân Văn	193	4.755	154		11.550	8.550	3.000	39	3	1.755		
27	UBND xã Hồng Phong	468	14.750	455		34.125	20.080	14.000				13	750
28	UBND xã Hoa Thám	297	7.000	297		22.275	15.275	7.000					
29	UBND xã Quý Hòa	156	2.630	142		10.650	8.650	2.000	14	3	630		
30	UBND xã Thiện Hòa	466	11.285	461		34.575	20.395	11.000				5	285
31	UBND xã Thiện Thuật	525	16.000	525		39.375	22.355	16.000					
32	UBND xã Thiện Long	392	13.930	376		28.200	15.080	13.000				16	930
33	UBND xã Bắc Sơn	237	1.620	201		11.115	4.530	-	36	3	1.620		
34	UBND xã Hưng Vũ	73	255	68		5.040	4.785	-				5	255
35	UBND xã Vũ Lăng	169	3.165	99		7.425	5.430	-	69	3	3.105	1	60
36	UBND xã Nhất Hòa	550	21.710	312		23.400	15.400	8.000	38	3	1.710	200	12.000
37	UBND xã Vũ Lễ	44	945	39		2.925		720	5	3	225		
38	UBND xã Tân Tri	719	26.688	478		35.850	22.550	13.000	34	3	1.530	207	12.158
39	UBND xã Lộc Bình	186	3.705	171		12.060	8.025	3.000	10	3	450	5	255
40	UBND xã Mẫu Sơn	473	10.465	396		29.700	22.700	7.000	77	3	3.465		
41	UBND xã Na Dương	372	6.620	311		18.870	15.870	3.000				61	3.620
42	UBND xã Lợi Bác	358	8.000	358		26.850	15.390	8.000					
43	UBND xã Thống Nhất	988	30.840	874		65.550	40.670	24.000				114	6.840
44	UBND xã Khuất Xá	119	2.000	119		8.925	6.925	2.000					
45	UBND xã Đình Lập	116	285	111		5.190	5.190	-				5	285
46	UBND xã Thái Bình	633	8.180	596		18.825	12.735	6.000				37	2.180
47	UBND xã Châu Sơn	191	1.275	181		7.470	6.795	675				10	600
48	UBND xã Kiên Mộc	416	3.125	416		13.935	10.810	3.125					
49	UBND xã Hữu Lũng	369	14.880	117		4.455	3.810	645	57	3	2.565	195	11.670

50	UBND xã Tuấn Sơn	285	4.400	246		8.100	6.025	2.075				39	2.325
51	UBND xã Tân Thành	242	6.450	132		4.455	4.440	-	7	3	315	103	6.135
52	UBND xã Vân Nham	144	1.020	123		4.590	3.915	-	16	3	720	5	300
53	UBND xã Thiện Tân	163	3.105	161		12.075	6.555	3.000				2	105
54	UBND xã Yên Bình	84	1.365	61		4.575	4.575	-				23	1.365
55	UBND xã Hữu Liên	96	664	85		6.375	6.375	-				11	664
56	UBND xã Cai Kinh	64	1.850	48		1.925		920				16	930
57	UBND xã Chi Lăng	75	1.080	53		2.400	2.175	-	13	3	585	9	495
58	UBND xã Quan Sơn	654	26.230	526		39.405	20.405	19.000	28	3	1.260	100	5.970
59	UBND xã Chiến Thắng	1.596	74.495	1.137		85.275	38.275	47.000				459	27.495
60	UBND xã Nhân Lý	829	33.080	464		34.800	20.650	14.150	198	3	8.910	167	10.020
61	UBND xã Bằng Mạc	271	3.555	271		9.480	3.240	3.555					
62	UBND xã Vạn Linh	228	9.330	111		8.160	5.460	2.700	26	3	1.170	91	5.460
63	UBND phường Lương Văn Tri	178	5.100	93		6.705	6.705	-				85	5.100
64	UBND phường Tam Thanh	87	2.400	47		3.525	3.525	-				40	2.400